

Số : 323/QĐTN

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng
cho học viên khóa tuyển sinh tháng 6/2012 đại học hệ vừa làm vừa học
(Liên thông từ TC) - Đào tạo tại Trung tâm GDTX thành phố Đà Nẵng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01/12/2014 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ quyết định số 277 /QĐ-HC ngày 06 / 5 /2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng thi và xét công nhận tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học khóa thi ngày 09, 10/5/2015;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thi và xét công nhận tốt nghiệp ngày 27/5/2015 của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng Cử nhân cho 66 (Sáu mươi sáu) học viên hệ đào tạo vừa làm vừa học (phương thức liên thông từ trình độ Trung cấp), khóa tuyển sinh tháng 6/2012 ngành Giáo dục Mầm non, đào tạo tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành phố Đà Nẵng: (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Tổ chức-Hành chính, Kế hoạch-Tài chính, Trưởng khoa Khoa Giáo dục Mầm non và các học viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (qua Ban Đào tạo ĐHĐN);
- ĐHĐN (Ban Đào tạo);
- Như điều 3;
- Lưu TC-HC, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 323/QĐ-TN ngày 01 tháng 6 năm

của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Ngành: Giáo dục Mầm non. Hệ: Vừa làm vừa học (liên thông từ Trung cấp lên đại học)

Khóa: 2012 - 2015. Lớp mở tại Trung tâm GDTX thành phố Đà Nẵng

Số TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	QĐ trúng tuyển số.../- ngày.../.../..	Ghi chú
1	Phạm Thị	Anh	25/11/1986	7,16	Khá	166/3440, ngày 25/06/2012	
2	Nguyễn Thị	Chung	24/08/1991	7,55	Khá	191	
3	Võ Thị	Định	04/10/1992	7,48	Khá	228	
4	Lê Thị	Doan	25/08/1985	7,25	Khá	227	
5	Nguyễn Thị Huỳnh	Đông	18/04/1992	7,20	Khá	192	
6	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	11/06/1987	7,65	Khá	168	
7	Trà Thị Phương	Dung	01/08/1989	7,38	Khá	247	
8	Nguyễn Thị	Gái	18/08/1991	7,59	Khá	193	
9	Phạm Thị Trà	Giang	02/01/1992	7,35	Khá	194	
10	Trần Thị	Gió	15/09/1980	7,37	Khá	169	
11	Trần Thị	Hạ	23/10/1988	7,64	Khá	195	
12	Trần Thị	Hạnh	02/01/1991	7,17	Khá	196	
13	Ngô Thị Như	Hiền	10/02/1983	7,49	Khá	171	
14	Nguyễn Thị	Hiền	06/11/1991	7,42	Khá	197	
15	Trần Thị Thu	Hiền	05/01/1984	7,79	Khá	198	
16	Phạm Thị	Hiếu	02/07/1984	7,31	Khá	172	
17	Hoàng Thị Thu	Hoài	25/11/1985	7,55	Khá	173	
18	Bùi Thị Ngọc	Hoàng	22/04/1991	7,62	Khá	174	
19	Trần Thị Kim	Hồng	06/05/1992	7,42	Khá	229	
20	Hà Thị	Huyền	10/05/1988	6,94	Trung bình khá	199	
21	Nguyễn Thị	Huyền	07/03/1985	7,45	Khá	175	
22	Chế Thị	Huỳnh	18/04/1992	7,33	Khá	200	
23	Trần Phan Thị Thanh	Hy	27/09/1991	7,27	Khá	201	
24	Ngô Thị	Lan	05/08/1991	7,55	Khá	202	
25	Trương Thị Mỹ	Lệ	16/05/1989	7,59	Khá	203	
26	Phạm Thị	Lệ	05/03/1988	7,52	Khá	178	
27	Đỗ Thị	Lên	07/07/1988	7,91	Khá	177	
28	Nguyễn Thị Phương	Liên	01/06/1987	7,02	Khá	179	
29	Nguyễn Thị Ly	Na	16/05/1990	7,21	Khá	180	
30	Nguyễn Thị Thanh	Nga	27/12/1989	7,25	Khá	230	
31	Huỳnh Thị	Nghi	02/07/1992	7,24	Khá	206	
32	Lê Thị Kim	Ngọc	01/02/1991	7,22	Khá	231	
33	Ngô Thị Bích	Ngọt	19/09/1988	7,63	Khá	207	



Số TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm trúng tuyển Điểm...- ngày.../.../...	Ghi chú
34	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	04/11/1992	7,56	Khá	232	
35	Nguyễn Thị	Nhụy	10/01/1991	7,35	Khá	181	
36	Huỳnh Thị Hoàng	Oanh	15/04/1991	6,95	Trung bình khá	209	
37	Vương Thị	Phúc	08/02/1991	7,59	Khá	211	
38	Lê Thị Duy	Phương	11/08/1992	6,99	Trung bình khá	233	
39	Trần Thị Nhân	Phương	19/04/1989	7,75	Khá	234	
40	Võ Thị Yến	Phương	10/12/1991	7,30	Khá	235	
41	Phạm Thị	Quán	11/04/1992	7,34	Khá	236	
42	Nguyễn Thị	Sen	01/01/1991	7,49	Khá	237	
43	Nguyễn Thị Hồng	Sương	27/05/1991	7,67	Khá	238	
44	Lê Thị	Thắm	20/11/1992	7,41	Khá	185	
45	Lê Thị Thu	Thảo	20/12/1990	7,48	Khá	213	
46	Trần Thị Thu	Thảo	20/07/1990	7,25	Khá	184	
47	Phạm Thị Kim	Thoa	22/06/1991	7,53	Khá	214	
48	Nguyễn Thị	Thu	07/02/1991	7,23	Khá	239	
49	Trần Thị Thanh	Thuận	20/10/1990	6,99	Trung bình khá	215	
50	Nguyễn Thị	Thúy	15/08/1988	7,65	Khá	186	
51	Cao Thị Thu	Thúy	03/04/1987	7,05	Khá	217	
52	Phạm Thị	Thùy	20/10/1991	7,50	Khá	240	
53	Cao Thị	Thùy	19/01/1989	7,15	Khá	216	
54	Lê Thị	Thùy	20/11/1990	7,85	Khá	241	
55	Trần Thị Thu	Thùy	17/04/1973	7,95	Khá	219	
56	Đỗ Thị	Tịnh	27/08/1981	7,26	Khá	187	
57	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	20/11/1992	7,00	Khá	220	
58	Phạm Thị Thúy	Trâm	30/08/1992	7,22	Khá	243	
59	Nguyễn Thị Thùy	Trang	28/08/1989	7,31	Khá	246	
60	Lê Hoàng Xuân	Trang	01/03/1992	7,25	Khá	188	
61	Trần Thị	Tuyết	01/10/1992	7,29	Khá	244	
62	Nguyễn Thị Vân	Uyên	12/10/1991	7,41	Khá	190	
63	Phan Thị Thúy	Vân	22/07/1991	7,70	Khá	224	
64	Đặng Thị	Xuân	25/03/1990	7,63	Khá	225	
65	Lê Thị	Lãnh	16/09/1988	7,32	Khá	297-3292 ngày 30/06/2011	
66	Nguyễn Thị	Tuyết	02/12/1990	7,31	Khá	323- 3292	

Ấn định danh sách có 66 (sáu mươi sáu) học viên.

Xếp loại Khá: 62 học viên

Xếp loại Trung bình Khá: 04 học viên

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 6 năm 2015

K. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG